

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/LĐ – ST
Ngày: 30 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Mé, từng công tác tại Liên đoàn lao động huyện Cần Giuộc cũ;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, từng công tác tại Liên đoàn lao động huyện Cần Giuộc cũ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2026/TLST- LĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST – LĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S; Địa chỉ: Số D, tỉnh lộ 830, ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Địa chỉ: Số H, tuyến tránh Quốc lộ A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Bé L** và người đại diện theo ủy quyền là ông **Trịnh Minh H** thống nhất trình bày: Năm 2007, bà **Nguyễn Thị Bé L** có cho bà **Nguyễn Thị Bé T** mượn giấy tờ tùy thân để bà **T** xin việc làm tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn S** (Sau đây viết là **Công ty S**), bà **T** được **Công ty T1** theo Sổ bảo hiểm xã hội số 4807018725 do **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**, nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh cấp, thời gian giam gia bảo hiểm từ tháng 6/2007 đến tháng 02/2008 thì bà **T** nghỉ việc.

Tháng 10/2007, bà **L** xin việc tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn G**, nay là **Công ty trách nhiệm hữu hạn S1**, và được **Công ty T1** theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807029930.

Gần đây, bà **L** phát hiện bà bị trùng sổ bảo hiểm xã hội số 4807018725 với sổ bảo hiểm xã hội số 4807029930, trong thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 02/2008, còn từ tháng 06/2007 đến tháng 10/2007 thì người thực tế làm việc tại **Công ty S** là bà **T**, không phải bà **L**.

Vì vậy, bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa **Công ty S** và bà **Nguyễn Thị Bé T**, tên trên hợp đồng lao động là **Nguyễn Thị Bé L**.

Điều chỉnh sổ Bảo hiểm xã hội số 4807018725 do **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**, nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh cấp cho bà **Nguyễn Thị Bé L**, thời gian tham gia từ tháng 6/2007 đến tháng 02/2008 thành tên **Nguyễn Thị Bé T**.

Bà **L** tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Đồng thời, ông **H** xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

Bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn S** vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Bé T** trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày bà **L**. Từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà **L** để làm tại **Công ty S**, tháng 02/2008 thì bà xin nghỉ việc. Trong thời gian này, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà với tên của bà **L** theo sổ Bảo hiểm xã hội số 4807018725 do **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**, nay là tỉnh Tây Ninh cấp. Bà đã giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo sổ Bảo hiểm xã hội số 4807018725 xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** trình bày: **Công ty S** có kê khai đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tên **Nguyễn Thị Bé L**, sổ sổ bảo hiểm xã hội được cấp là 4807018725, thời gian tham gia từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008, bà **L** đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần với quá trình bảo hiểm xã hội nêu trên. **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty S với bà Nguyễn Thị Bé T nhưng trên hợp đồng ghi tên bà Nguyễn Thị Bé L, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807018725 mang tên Nguyễn Thị Bé L làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008 thành tên Nguyễn Thị Bé T. Bà L, bà T được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã M, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 3, 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Bé L và bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008, bà T sử dụng giấy tờ tùy thân của bà L để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty S. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà L và bà T là đúng sự thật. Như vậy, từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008, bà T là người lao động, có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty S theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Việc bà T sử dụng thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Công ty S sử dụng lao động là bà T nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà L nên Công ty vi phạm quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ

sung năm 2002 và Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Vậy nên, bà **T** và Công ty đều vi phạm quy định của pháp luật lao động khi giao kết hợp đồng lao động. Nay bà **L** yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Nguyễn Thị Bé T** (trên hợp đồng lao động ghi tên **Nguyễn Thị Bé L**) với **Công ty S**, trong thời gian từ tháng 6/2007 đến tháng 02/2008 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh số bảo hiểm xã hội: Từ tháng 6/2007 đến tháng 02/2008, bà **T** là người lao động được **Công ty S** tham gia bảo hiểm theo số bảo hiểm xã hội số 4807018725. Lúc này, bà **T** đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 nên việc điều chỉnh số bảo hiểm xã hội số 4807018725 thành tên bà **T** là có cơ sở, bảo đảm đúng đối tượng lao động, phù hợp với quy định về bảo hiểm xã hội tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 10, 11, 17, 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024. Bà **T** được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập với **Công ty S**. Bà **L** được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập với **Công ty trách nhiệm hữu hạn G**, nay là **Công ty trách nhiệm hữu hạn S1**.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 10, 11, 17, 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; Điều 7, 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; Điều 3, 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé L với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Bé T (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị Bé L) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S, thời gian làm việc từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 4807018725 cấp cho bà Nguyễn Thị Bé L do Công ty trách nhiệm hữu hạn S nộp, từ tháng 06/2007 đến tháng 02/2008 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L, nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh, thành tên Nguyễn Thị Bé T.

Bà Nguyễn Thị Bé T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Bé T với Công ty trách nhiệm hữu hạn S theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807018725 đã được điều chỉnh.

Bà Nguyễn Thị Bé L được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Bé L với Công ty trách nhiệm hữu hạn G, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé L tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Bé L có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004417 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND kv7 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương